

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **301/2021/HC-PT**

Ngày: 31-12-2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Phạm Tấn Anh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 306/2021/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2021/HC-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 774/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949. Địa chỉ: p. H1, tp T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị N, sinh năm 1962. Địa chỉ: p. H1, tp T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tp T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N – Phó Chủ tịch, vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Ông Đinh Hữu T1 - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường tp T,

tỉnh Quảng Nam.

Ông Nguyễn Ngọc T2 – Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tp T, tỉnh Quảng Nam, vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Đình D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân p. H1, tp T, tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tp T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Đinh Hữu T1 - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường tp T, tỉnh Quảng Nam.

Ông Nguyễn Ngọc T2 – Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tp T, tỉnh Quảng Nam.

Ông Nguyễn Đình D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân p. H1, tp T, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Nguyễn H, sinh năm 1957. Địa chỉ: p. H1, tp T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Hủy Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc.

- Bồi thường danh dự cho bà Trương Thị C: Do Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 về việc hủy bỏ Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc cho

bà Trương Thị C trong khi bà Trương Thị C đã có biên bản họp gia đình ngày 27/5/2014 giao quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B đối với diện tích đất trên và Thông báo số 705/TB-VC2-V3 ngày 15/9/2015 của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đã có kiến nghị với Chủ tịch UBND thành phố T tiếp tục xem xét bồi thường thỏa đáng cho bà Nguyễn Thị B theo đúng quy định của pháp luật nhưng UBND thành phố T không giải quyết theo yêu cầu của bà Trương Thị C mà mọi giấy tờ đều gửi bà Trương Thị C. Do đó, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B yêu cầu UBND thành phố T bồi thường danh dự cho bà Trương Thị C.

- Hủy mục 2.5 của Thông báo số 81/TB-UBND ngày 07/3/2013 của UBND thành phố T về kết luận của Chủ tịch UBND thành phố - Nguyễn Văn Lúa tại cuộc họp trực báo công tác BT-GPMB&TĐC đối với một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố. Cụ thể là nội dung “*Đối với trường hợp của hộ bà Nguyễn Thị B (người đại diện là ông Nguyễn H) giao phòng GD&ĐT thành phố chủ trì, phối hợp cùng UBND phường H1 và Hiệu trưởng trường Tiểu học B tiến hành làm việc với ông Nguyễn H (hiện đang là giáo viên dạy tại trường) để tuyên truyền, giải thích và yêu cầu ông Nguyễn H thống nhất và chấp hành nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng cho nhà nước thi công công trình. Trường hợp ông Nguyễn H vẫn không thống nhất, đề nghị Hiệu trưởng trường THCS B áp dụng hình thức xử lý đối với cán bộ công chức về việc không chấp hành chủ trương của nhà nước trên lĩnh vực BT-GPMB*”. Vì yêu cầu này ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị B vì bà B đã có văn bản ủy quyền cho bà Phan Thị N tham gia giải quyết mọi vấn đề liên quan đến việc thu hồi, bồi thường đất của bà B, tuy nhiên văn bản trên yêu cầu ông H nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng theo quyết định thu hồi là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị B.

- Yêu cầu Tòa án điều tra xác minh làm rõ sự việc các cán bộ liên quan đến biên bản làm việc và bảng kiểm kê, kê khai ngày 29/5/2012. Vì Ủy ban nhân dân thành phố T đã cho cán bộ tự lập biên bản, tự xác định mà không kiểm kê thực tế tại thửa đất do đó biên bản kiểm kê và kê khai thể hiện không đúng hiện trạng tài sản trên đất của bà B như rau muống lại ghi rau lang, số lượng cây keo 28 cây lại ghi 49 cây, còn các tài sản khác thì không thực hiện việc kiểm đếm. Hành vi của các cán bộ Đoàn Văn Đ, Trần Thanh H, Nguyễn Đình Q tự lập các biên bản trên là không đúng pháp luật nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường thiệt hại do Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị B, Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 và Quyết định số 6441/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ và bồi thường bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị B để giải phóng mặt bằng xây dựng vệt công nghiệp dọc hai bên đường trục chính vào Khu công nghiệp T bị Quyết định số 4736/QĐ-UBND hủy bỏ các quyết định trên gây ra. Do bà B khởi

kiện ra Tòa án nhân dân thành phố T thì Ủy ban nhân dân thành phố T hủy các Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị B, Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 và Quyết định số 6441/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ và bồi thường bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị B dẫn đến hộ bà B bị thiệt hại bờ mương; hàng rào tre, tiền bán rau muống, cây cối bị chết, tiền photo tài liệu, in ấn; chi phí tàu xe đi lại, hội họp, tiền án phí tại Tòa án nhân dân thành phố T, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (mỗi lần 200.000 đồng), lệ phí 02 hợp đồng ủy quyền 600.000 đồng, ... còn cụ thể chính xác bao nhiêu thì chưa xác định được, số tiền yêu cầu UBND thành phố T phải thỏa thuận với gia đình.

- Buộc UBND thành phố T bồi thường thiệt hại, dừng và khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện sau: Bồi thường thiệt hại rồi mới thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng cho bà Nguyễn Thị B. Ủy ban nhân dân thành phố T phải thực hiện việc bồi thường thiệt hại rồi mới thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cho bà Nguyễn Thị B.

Tuy nhiên, theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 07/TLST-HC ngày 07/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam chỉ thụ lý giải quyết đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Hủy Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc.

Do đó, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tất cả các nội dung theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B nêu trên.

Theo Công văn số 1902/UBND-VP ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T, quá trình tố tụng tại Tòa án và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T, UBND thành phố T tại phiên tòa thể hiện:

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 hủy bỏ Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc. Như vậy, đối tượng khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là các Quyết định nêu trên không còn hiệu lực thi hành. Do

đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Theo Biên bản lấy lời khai và đơn yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H không có quyền lợi liên quan đến thửa đất của bà Trương Thị C, vì vậy việc quyết định quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sử dụng đất của bà Trương Thị C do bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn H toàn quyền quyết định. Bà không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 64/2021/HSST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về yêu cầu hủy Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung, bản án sơ thẩm giải quyết đúng quy định của pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ, mục đích của người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo là yêu cầu bồi thường thiệt hại lên quan đến Quyết định hành chính số 8457/QĐ-UBND và Quyết định số 10263/QĐ-UBND nhưng hai quyết định này đã bị huỷ bỏ bởi Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 7/5/2020 của UBND thành phố T. Và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện đã thừa nhận sau khi nhận quyết định 2703/QĐ-UBND thì đương sự không có

khiếu nại, khởi kiện gì. Như vậy, đối tượng khởi kiện trong vụ án không còn nên Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng; còn đối với các yêu cầu khác mà người kháng cáo nêu ra không thuộc phạm vi của xét xử phúc thẩm nên Toà án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng; xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Phan Thị N là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B đồng thời là người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử huỷ bản án sơ thẩm, vì cho rằng: Người khởi kiện làm đơn đề nghị Giám đốc thẩm nhưng Toà án vẫn thụ lý, giải quyết; Thông báo thụ lý vụ án thiếu những vấn đề mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết; tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền đã giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện nhưng Toà án bác đơn khởi kiện.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Về nội dung bà cho rằng bà đã làm đơn đề nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đến viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và nhận được được thông báo số 705/TB-VC2-V3 ngày 15/9/2015 nhưng Toà án không xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Phan Thị N thừa nhận Thông báo số 705/TB-VC2-V3 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có nội dung không kháng nghị đòi với bản án phúc thẩm số 19/2014 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam và kiến nghị UBND xem xét quyền lợi cho bà. Như vậy, Thông báo số 705/TB-VC2-V3 này không liên quan đến vụ án đang giải quyết.

[3] Về nội dung bà cho rằng thông báo thụ lý vụ án số 07/TLST-HC ngày 7/2/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam thiếu những yêu cầu khởi kiện của bà. Thấy rằng, tại thông báo thụ lý vụ án số 07/TLST-HC ngày 7/2/2020 của Toà án cấp sơ thẩm chỉ nêu hai yêu cầu khởi kiện của bà: Yêu cầu huỷ Quyết định 8457/QĐ-UBND ngày 4/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Tam kỳ và yêu cầu huỷ quyết định 10263/QĐ/UBND ngày 5/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Tam kỳ (BL-113) nhưng sau khi Toà án thông báo sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện yêu cầu Toà án thụ lý giải quyết bổ sung những yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Bồi thường danh dự cho bà Trương Thị C;

- Hủy mục 2.5 của Thông báo số 81/TB-UBND ngày 07/3/2013 của UBND thành phố T về kết luận của Chủ tịch UBND thành phố - Nguyễn Văn Lúa tại cuộc họp trực báo công tác BT-GPMB&TĐC đối với một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố;

- Yêu cầu Tòa án điều tra xác minh làm rõ sự việc các cán bộ liên quan đến biên bản làm việc và bảng kiểm kê, kê khai ngày 29/5/2012.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường thiệt hại do Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị B, Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 và Quyết định số 6441/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ và bồi thường bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị B để giải phóng mặt bằng xây dựng vệt công nghiệp dọc hai bên đường trục chính vào Khu công nghiệp T bị Quyết định số 4736/QĐ-UBND hủy bỏ các quyết định trên gây ra.

- Buộc UBND thành phố T bồi thường thiệt hại, dừng và khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện sau: Bồi thường thiệt hại rồi mới thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng cho bà Nguyễn Thị B.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung và xem xét đầy đủ yêu cầu khởi kiện của bà theo quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, đối với các yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường thiệt hại do Quyết định số 6283/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị B, Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 và Quyết định số 6441/QĐ-UBND ngày 17/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ và bồi thường bổ sung đối với hộ bà Nguyễn Thị B để giải phóng mặt bằng xây dựng vệt công nghiệp dọc hai bên đường trục chính vào Khu công nghiệp T bị Quyết định số 4736/QĐ-UBND hủy bỏ các quyết định trên gây ra và Buộc UBND thành phố T bồi thường thiệt hại, dừng và khắc phục hành vi hành chính bị khởi kiện sau: Bồi thường thiệt hại rồi mới thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng cho bà Nguyễn Thị B. Thì các yêu cầu này đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 67/QĐ-TA ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (BL-185) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 25/2019/QĐ-HC ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (BL-183).

Đối với các yêu cầu: Bồi thường danh dự cho bà Trương Thị C; Hủy mục 2.5 của Thông báo số 81/TB-UBND ngày 07/3/2013 của UBND thành phố T về kết luận của Chủ tịch UBND thành phố - Nguyễn Văn Lúa tại cuộc họp trực báo công tác BT-GPMB&TĐC đối với một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố và Yêu cầu Tòa án điều tra xác minh làm rõ sự việc các cán bộ liên quan đến biên bản làm việc và bảng kiểm kê, kê khai ngày 29/5/2012 đã được Tòa án nhân dân

tỉnh Quảng Nam thông báo trả lại đơn khởi kiện bổ sung theo Thông báo trả lại đơn khởi kiện bổ sung số 26/TB-TA ngày 20/8/2020 (BL-182).

Không đồng ý với việc trả lại đơn khởi kiện bổ sung của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, bà Nguyễn Thị B đã khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện bổ sung số 26/TB-TA ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 66/2020/QĐ-TA ngày 09/9/2020 của Chánh án TAND tỉnh Quảng Nam (BL-191) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 01/2020/QĐ-GQKN ngày 16/11/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, không chấp nhận Đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B (BL-194).

Do đó, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 123, khoản 6 Điều 124 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với những yêu cầu này của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đối với nội dung kháng cáo bà cho rằng tại phiên toà sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền giữ nguyên các nội dung yêu cầu khởi kiện nhưng Toà án xử bác đơn khởi kiện của bà. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng, về một số nội dung Toà án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng như phân tích, nhận định ở mục [4]. Còn lại yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Toà án huỷ quyết định 8457/QĐ-UBND ngày 4/7/2017 và quyết định 10263/QĐ-UBND ngày 5/9/2017 đều của Chủ tịch UBND thành phố T.

[6] Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Trương Thị B (tên gọi khác Trương Thị C là mẹ của bà Nguyễn Thị B). Bà Nguyễn Thị B là thành viên trong hộ của bà Trương Thị B, đồng thời theo Giấy chứng tử số 04/2020/TLKT ngày 20/01/2020 thì bà Trương Thị C chết ngày 15/12/2019, do đó bà Nguyễn Thị B có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính. Các quyết định này là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, theo quy định tại các Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[7] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc, thì thấy:

Ngày 04/7/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 8457/QĐ-UBND áp dụng biện pháp kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Vệt công nghiệp dọc hai bên đường trục chính Khu công nghiệp T đối với hộ bà Trương Thị B (tên gọi khác là Trương Thị C). Do hộ bà Trương Thị B không chấp hành Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 Chủ tịch UBND thành phố T nên ngày 05/9/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 10263/QĐ-UBND áp dụng biện pháp cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Trương Thị B đang được cấp quyền sử dụng thửa đất số 21, thửa đất số 34 và thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01 tại phường H1, thành phố T do Công ty TNHH tư vấn xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng số 01 do vẽ.

Tuy nhiên, xét thấy việc ban hành Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T chưa đảm bảo quy định của pháp luật nên ngày 07/5/2020, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND (BL-160) hủy bỏ Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện khẳng định rằng người khởi kiện không yêu cầu hủy hai quyết định số 8457/QĐ-UBND và Quyết định số 10263/QĐ-UBND mà yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại liên quan đến hai quyết định này. Và sau khi nhận được quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 7/5/2020 của UBND thành phố T người khởi kiện không khiếu nại, không khởi kiện gì đối với quyết định 2703/QĐ-UBND này. Trong khi Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 2703/QĐ-UBND. Xét thấy, các quyết định hành chính bị kiện đã bị hủy bỏ, căn cứ Điều 30 Luật Tố tụng hành chính thì đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết đối với vụ án này không còn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở nên không được chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát về bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Về nguyên tắc, yêu cầu kháng cáo không

được chấp nhận nên người khởi kiện có kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm (BL-275) nên Cấp phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm cho bà B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về yêu cầu hủy Quyết định số 8457/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và Quyết định số 10263/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc.

Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Nguyễn Thị B được miễn nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Đường sự (theo địa chỉ);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường